



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 93 + 94

Ngày 15 tháng 11 năm 2021

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |   |    |
|-------------|---|----|
| 20-7-2021-  | Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ban hành Quy trình thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 3  |
| 15-10-2021- | Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.             | 19 |
| 20-10-2021- | Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.   | 35 |

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 08-9-2021- Quyết định số 3262/QĐ-UBND về việc bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đầu tư công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. 49
- 15-9-2021- Chỉ thị số 13/CT-UBND về tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 54
- 08-10-2021- Quyết định số 3488/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lữ hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch. 62

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng,  
công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực  
cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ*

*quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 6723/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc ban hành Quy trình thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, ý kiến thẩm định của Sở Tư Pháp tại văn bản số 2397/STP-VB ngày 07 tháng 6 năm 2021 về thẩm định hồ sơ dự thảo Quy trình thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành Thành phố, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban

---

nhân dân các quận, huyện, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Thị Thắng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY TRÌNH**

**Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ  
tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân thành phố Hồ Chí Minh)*

### **CHƯƠNG I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy trình này áp dụng để thực hiện công tác quản lý thu phí theo mô hình tự động áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý; quy định quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý thu phí và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

###### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy trình này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện cung cấp dịch vụ, nhiệm vụ thu phí và các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Đơn vị thu phí: Cảng vụ đường thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh - đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Cảng vụ)

2. Đối tượng nộp phí (sau đây gọi là người nộp phí): là tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập - tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng

gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh sử dụng công trình kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm tổ chức, cá nhân mở tờ khai hải quan tại Thành phố Hồ Chí Minh và ngoài Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Doanh nghiệp cảng: là doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển.

4. Địa điểm đích vận chuyển bảo thuế (đối với tờ khai xuất khẩu): là địa điểm một cảng mà hàng sẽ đến cuối cùng trước khi rời Việt Nam đi nước ngoài.

5. Kho CFS: là khu vực kho, bãi dùng để thực hiện các hoạt động thu gom, chia, tách hàng hóa của nhiều chủ hàng vận chuyển chung container.

6. Tờ khai vận chuyển độc lập OLA: là tờ khai vận chuyển để cơ quan Hải quan cấp phép vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và các loại hàng hóa khác đang chịu sự giám sát Hải quan, được phép vận chuyển giữa hai địa điểm lưu giữ hàng hóa.

### **Điều 3. Phạm vi áp dụng**

Cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 4. Chế độ nộp phí**

1. Mức phí thực hiện theo biểu phí do Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

2. Hình thức thanh toán: không dùng tiền mặt, qua hệ thống thanh toán điện tử.

3. Miễn thu phí: Đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

### **Điều 5. Hình thức kê khai phí**

1. Kê khai tự động là hình thức kê khai theo tính toán tự động của hệ thống thu phí, áp dụng trong trường hợp hệ thống hoạt động ở trạng thái bình thường.

2. Kê khai thủ công là hình thức người nộp phí tự tính toán và kê khai trên hệ thống thu phí, áp dụng trong trường hợp hệ thống phát sinh sự cố dẫn đến không trả ra số tiền phí phải nộp hoặc trong trường hợp có sự không thống nhất về số tiền phí do hệ thống tự động tính toán so với do người nộp phí tính toán.

### **Điều 6. Biên lai thu phí điện tử**

1. Biên lai thu phí điện tử (sau đây gọi là biên lai) được Cảng vụ thực hiện đăng ký, phát hành theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

2. Biên lai là chứng từ thanh toán theo quy định, có giá trị sử dụng làm thủ tục để hàng hóa qua cảng cũng như để thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định.

3. Ứng dụng thanh toán điện tử là ứng dụng thanh toán 24/7 của các ngân hàng thương mại hoặc các ví điện tử (sau đây gọi là hệ thống thanh toán điện tử) được nhà nước cấp phép theo quy định của pháp luật. Ứng dụng bao gồm các ứng dụng di động, ứng dụng web và các ứng dụng khác tại trụ sở giao dịch của các ngân hàng thương mại.

### **Điều 7. Quy định về thực hiện nộp phí**

#### **1. Các loại tờ khai xuất nhập khẩu**

a) Các tờ khai nhập khẩu có mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến, địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế đối với tờ khai xuất khẩu thuộc khu vực cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải thực hiện nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là phí hạ tầng cảng biển), trừ các mã địa điểm là kho CFS.

b) Đối với tờ khai vận chuyển độc lập OLA có mã địa điểm xếp hàng, dỡ hàng tại khu vực cảng biển của Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải thực hiện nộp phí hạ tầng cảng biển.

c) Tờ khai xuất nhập khẩu hàng hóa đóng trong container sẽ phải thực hiện khai báo danh sách container lên hệ thống thông quan điện tử của Hải quan trước khi khai báo tờ khai nộp phí.

#### **2. Khai báo tờ khai nộp phí (Tờ khai phí)**

a) Người nộp phí thực hiện khai nộp phí bằng cách nhập thông tin số tờ khai hải quan xuất nhập khẩu từ hệ thống đã khai báo trước đó trên hệ thống thu phí của Cảng vụ.

b) Hệ thống thu phí tự động trả ra thông tin về số tiền phải nộp trên cơ sở kết nối tới Hệ thống thông quan điện tử của Hải quan để lấy thông tin liên quan đến tờ khai mà người nộp phí đã khai báo để làm cơ sở tính toán số tiền phí phải nộp.

c) Trên cơ sở số tiền được hệ thống tính toán, người nộp phí chấp nhận số liệu để nhận thông báo phí. Trường hợp không thống nhất với số tiền do hệ thống tự động trả ra, người nộp phí có thể chuyển tạo phiếu thu khai thủ công để nhận thông báo



phí, nộp phí và đối soát sau.

d) Trong trường hợp hệ thống thu phí không trả ra được số tiền phí phải nộp do lỗi hệ thống thì cho phép người nộp phí tự cập nhật các thông tin về số container, trọng lượng hàng hóa của tờ khai để khai báo nộp phí. Những tờ khai phí này sẽ được hệ thống phân loại để thực hiện đối soát, kiểm tra khi hệ thống hoạt động bình thường trở lại. Áp dụng tương tự như trường hợp người nộp phí không thống nhất với số tiền hệ thống tự động tính toán.

đ) Các trường hợp khai sai số tờ khai, thông tin người khai phí không tương ứng với người đứng tên trên tờ khai hải quan sẽ không được hệ thống thu phí chấp nhận. Trường hợp khai hộ tờ khai báo nộp phí, người khai hộ phải sử dụng chữ ký số của người nộp phí tương ứng.

e) Trường hợp đã hoàn thành việc khai báo tờ khai nộp phí, nhưng sau đó người nộp phí xin khai hủy tờ khai nộp phí thì phải nêu rõ lý do hủy và hệ thống thu phí sẽ tự động kiểm tra xác nhận trạng thái hủy trên cơ sở thông tin tờ khai hủy nhận được từ hệ thống thông quan điện tử của Hải quan. Các trường hợp hủy khác Cảng vụ thực hiện kiểm tra và xác nhận thủ công trên hệ thống.

### 3. Thực hiện nộp phí

a) Sau khi người nộp phí nhận được thông báo nộp phí trả về từ Hệ thống thu phí, thực hiện nộp phí thông qua các ứng dụng thanh toán điện tử.

b) Người nộp phí truy cập hệ thống thanh toán điện tử, chọn mục “nộp phí hạ tầng cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” sau đó nhập số thông báo nộp phí vào mục số thông báo. Đối với trường hợp nộp theo hướng dẫn ngay trên hệ thống khai báo phí thì thực hiện theo các bước hướng dẫn của hệ thống. Hệ thống thanh toán điện tử sẽ thực hiện kết nối đến hệ thống thu phí để xác nhận số tiền phí phải nộp theo số thông báo phí đã phát hành trước đó. Người nộp phí sẽ tiếp tục thực hiện nộp phí theo từng bước trên hệ thống thanh toán điện tử.

c) Sau khi người nộp phí hoàn thành nộp phí, hệ thống thanh toán điện tử sẽ thực hiện gửi kết quả giao dịch đến hệ thống thu phí để hệ thống thu phí thực hiện tạo biên lai thu phí điện tử trả về cho người nộp phí. Người nộp phí có thể tra cứu và in thông tin biên lai trên hệ thống thu phí để xuất trình khi đưa hàng qua cảng. Biên lai điện tử cũng được các Doanh nghiệp cảng sử dụng làm cơ sở thông tin xác nhận đã hoàn thành nộp phí trên hệ thống quản lý của cảng.

d) Trường hợp người nộp phí có nhiều tờ khai nộp phí phải nộp, khi làm thủ tục nộp phí, nộp nhằm không đúng tờ khai nộp phí mong muốn thì Cảng vụ không giải quyết việc chuyển đổi số tiền từ tờ khai nộp phí đã nộp sang tờ khai chưa nộp hoặc cộng dồn tiền phí sang tờ khai nộp phí khác mà thực hiện quy trình khai hủy biên lai khai nhằm, đồng thời khai bổ sung hoặc/và nộp phí đối với các lô hàng chưa hoàn thành nộp phí.

đ) Đối với trường hợp xin hủy biên lai thu phí và hoàn số tiền đã nộp cho tờ khai hải quan hủy, hệ thống tự động kiểm tra trạng thái hủy tờ khai trên hệ thống thông quan điện tử của Hải quan để xác nhận hủy tự động và tạo lệnh hoàn tiền lại cho người nộp phí. Cảng vụ thực hiện việc kiểm tra rà soát, xác nhận đối với các trường hợp này cũng như đối với các trường hợp hủy khác mà hệ thống không thể xác nhận tự động. Trong thời gian chờ hệ thống kiểm tra xác nhận trạng thái hủy, biên lai được khai báo hủy sẽ ở trạng thái khóa và không có giá trị giao dịch.

e) Kết thúc quá trình nộp phí, người nộp phí thực hiện thủ tục đưa hàng ra cảng. Tại cảng, hệ thống hoặc nhân viên làm thủ tục tại cảng kiểm tra thông tin về tình trạng nộp phí của người nộp phí, nếu đã nộp phí thì cho phép hàng qua cảng. Trường hợp người nộp phí nợ phí trong trạng thái có lệnh cưỡng chế hoặc phải thực hiện đối soát thủ công thì doanh nghiệp cảng không cho phép hàng qua cảng, đồng thời hướng dẫn người nộp phí liên hệ với Cảng vụ để hoàn tất thủ tục đối soát, xử lý cưỡng chế.

g) Trường hợp Doanh nghiệp cảng kiểm tra biên lai trên hệ thống thu phí mà không tìm thấy biên lai nộp phí thì cho phép hàng hóa qua cảng sau khi thực hiện nhắc nhở người nộp phí. Hình thức nhắc nhở có thể là trực tiếp hoặc sử dụng các phương tiện thông tin điện tử và có ghi nhận trạng thái nhắc nhở lên hệ thống thu phí làm cơ sở để đối soát và xử lý cưỡng chế.

h) Trường hợp người nộp phí đã hoàn thành việc nộp phí mà hệ thống thu phí chưa tạo biên lai nộp phí thì sử dụng Giấy nộp tiền vào Ngân hàng thương mại (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thay cho biên lai để cho phép hàng hóa qua cảng; đồng thời nhân viên của Doanh nghiệp cảng làm thủ tục tại cảng thực hiện ghi nhận trên hệ thống thu phí để kiểm tra đối chiếu.

4. Đối soát dữ liệu được thực hiện bằng cả hình thức tự động và thủ công. Đối soát tự động do hệ thống tự động thực hiện định kỳ để đưa ra kết quả là danh sách các trường hợp kê khai sai, kê khai thiếu hoặc không kê khai. Đối soát thủ công là việc Cảng vụ phối hợp với Chi cục Hải quan quản lý cảng (sau đây gọi tắt là Chi cục Hải

quan) kiểm tra đối chiếu thông tin kê khai phí với thông tin tờ khai trên hệ thống hoặc/và tờ khai do người nộp phí xuất trình trên cơ sở kết hợp thông tin do cơ quan Hải quan phân tích và dữ liệu do doanh nghiệp cảng cung cấp đối với hàng hóa đã qua khu vực giám sát:

a) Đối soát tự động với dữ liệu của Hải quan:

Hệ thống thu phí sẽ thực hiện gửi tất cả danh sách tờ khai chưa được đối soát đến hệ thống đối soát đặt tại Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Cục Hải quan) để thực hiện đối soát tự động;

Hệ thống đối soát sẽ thực hiện định kỳ trên hệ thống đặt tại Cục Hải quan để tránh ảnh hưởng đến tải của hệ thống thu phí;

Sau khi đối soát dữ liệu, hệ thống thu phí cho phép Cảng vụ có quyền xem lại các thông tin đối soát, kiểm tra các tờ khai nộp phí bị sai khác thông tin và ra các quyết định xử lý.

b) Đối soát tự động dữ liệu thanh toán với Ngân hàng:

Cuối ngày, hệ thống ngân hàng tự động gửi yêu cầu đối soát lên hệ thống thu phí. Hệ thống thu phí trả về danh sách các biên lai mà Ngân hàng đã xác nhận giao dịch trong ngày để Ngân hàng thực hiện đối soát.

Sau khi hoàn thành đối soát, Ngân hàng phản hồi kết quả về cho hệ thống thu phí. Trường hợp chưa có kết quả đối soát hoặc có lỗi hệ thống thì Ngân hàng phản hồi kèm theo lý do và trả kết quả vào thời điểm gần nhất có thể sau đó;

Hệ thống thu phí cho phép Ngân hàng có quyền xem lại các thông tin đối soát, kiểm tra các tờ khai nộp phí bị sai khác thông tin để ra các quyết định xử lý.

Cuối ngày (trước 24 giờ của ngày), Ngân hàng thực hiện chuyển số tiền tương ứng với tổng tiền trên biên lai mà hệ thống thu phí đã chuyển để đối soát vào tài khoản của Cảng vụ mở tại Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Kho bạc Nhà nước). Đồng thời, Ngân hàng gửi bảng kê chi tiết các giao dịch liên quan đến số tiền đã chuyển vào Kho bạc Nhà nước lên hệ thống thu phí để Cảng vụ đối chiếu chéo với Kho bạc Nhà nước

Trường hợp cuối ngày không hoàn thành được việc đối soát hoặc có sai lệch số liệu thì trước 24 giờ của ngày, Ngân hàng tự động chuyển toàn bộ tiền nhận được trong ngày vào tài khoản của Cảng vụ mở tại Kho bạc Nhà nước, chuyển bảng kê chi tiết các giao dịch có liên quan lên hệ thống thu phí tương tự như đã nêu ở trên. Việc

xử lý sai lệch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc kế tiếp nhằm đảm bảo số tiền mà Kho bạc Nhà nước nhận được từ Ngân hàng đúng với số tiền mà hệ thống thu phí đã phát hành biên lai hợp lệ trên cơ sở xác nhận giao dịch của ngân hàng.

c) Đối soát dữ liệu thủ công được thực hiện trong các trường hợp:

Hệ thống thu phí bị lỗi hoặc không kịp trả ra số tiền nộp phí và người nộp phí thực hiện kê khai thủ công;

Người nộp phí không đồng ý với kết quả tự tính toán số tiền phí phải nộp trên hệ thống và tự điều chỉnh số tiền phí khi kê khai;

Người nộp phí sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan làm thay đổi số tiền phí phải nộp đã kê khai trước đó;

Người nộp phí còn nợ phí các lô hàng đã qua khu vực giám sát trước đó và chưa có phản hồi về việc sẽ thực hiện nộp số tiền phí còn nợ cho Cảng vụ ở các lần sử dụng dịch vụ kế tiếp;

Người nộp phí thuộc diện bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí hoặc/và đang bị cưỡng chế nộp phí trước khi được cung cấp dịch vụ;

Cảng vụ, Chi cục Hải quan nghi ngờ người nộp phí có hành vi khai báo gian lận hoặc người nộp phí trốn tránh nghĩa vụ nộp phí bằng việc kê khai sai trọng lượng lô hàng, danh sách container trên hệ thống điện tử của Hải quan và cần phải đối chiếu thực tế để xác định trọng lượng thực tế, số lượng container thực tế làm cơ sở xác định số tiền phí phải nộp.

## **CHƯƠNG II**

### **NỘI DUNG QUY TRÌNH**

#### **Điều 8. Quy trình thu phí**

Đính kèm sơ đồ quy trình thu phí (*phụ lục 1*)

##### **1. Bước 1: Khai báo thủ tục hải quan**

Người nộp phí thực hiện kê khai thông tin hàng hóa trên Hệ thống thông quan điện tử của Hải quan; Tờ khai có liên quan được đồng bộ về hệ thống xử lý đối soát đặt tại Cục Hải quan để kiểm tra đối soát dữ liệu.

##### **2. Bước 2. Khai báo tờ khai nộp phí hạ tầng cảng biển**

Trên cơ sở Tờ khai thông tin hàng hóa tại Bước 1, người nộp phí kê khai số phí phải nộp trên hệ thống thu phí. Hệ thống thu phí hỗ trợ người nộp phí tính toán tự động số tiền phải nộp:

a) Trường hợp đã khai tờ khai nộp phí nhưng sau đó lại có sự điều chỉnh tờ khai hải quan thì người kê khai thực hiện kê khai bổ sung phần tăng thêm. Đối với trường hợp giảm đi thì thực hiện khai hủy tờ khai cũ và khai lại tờ khai mới.

b) Khi thực hiện kê khai, người kê khai có thể chuyển sang hình thức kê khai thủ công khi hệ thống không trả ra số tiền cần phải nộp, lỗi hệ thống hoặc do số tiền trả ra không đúng với tính toán của người kê khai. Các trường hợp kê khai thủ công, Cảng vụ sẽ phối hợp với Chi cục Hải quan kiểm tra, đối soát để xác nhận tính chính xác của thông tin kê khai.

c) Trường hợp không tìm thấy dữ liệu để làm cơ sở tính phí, thì hệ thống thu phí tự động trả kết quả đến người nộp phí không tìm thấy thông tin, người nộp phí phải kiểm tra lại thông tin tờ khai để đảm bảo nhập đúng số tờ khai đã được hệ thống thông quan điện tử của Hải quan cấp phát.

### 3. Bước 3. Thông báo số tiền nộp phí

Hệ thống thu phí tự động cập nhật và thông báo số tiền phí để người nộp phí thực hiện.

a) Trường hợp người nộp phí đồng ý với số tiền phí phải nộp thì xác nhận thông tin trên hệ thống thu phí để nhận thông báo phí.

b) Trường hợp người nộp phí không đồng ý với số tiền phí phải nộp thì chọn tự kê khai để kê khai phí như Bước 1.

### 4. Bước 4. Nộp phí vào Ngân hàng

Căn cứ vào thông báo số tiền phí phải nộp tại Bước 3, người nộp phí thực hiện việc nộp phí qua hệ thống thanh toán điện tử.

### 5. Bước 5. Xác nhận số tiền nộp phí với Cảng vụ

a) Hệ thống tự động kiểm tra số tiền phí phải nộp để Ngân hàng làm cơ sở thu phí.

b) Trường hợp hệ thống mất kết nối giữa Ngân hàng với Cảng vụ thì Ngân hàng ghi nhận việc nộp phí và phát hành Giấy nộp tiền (giấy hoặc điện tử,...) đồng thời thông báo đến Cảng vụ trên hệ thống thu phí (sau khi có kết nối trở lại) để thực hiện

đối soát sau.

#### 6. Bước 6. Xác nhận thông tin nộp phí và phát hành biên lai

a) Xác nhận thông tin nộp phí: Ngân hàng xác nhận thông tin người nộp phí đã nộp phí, đồng thời gửi thông tin tới hệ thống thu phí để phát hành biên lai.

b) Phát hành biên lai:

Sau khi nhận thông tin đã nộp phí từ Ngân hàng, hệ thống thu phí thực hiện tạo biên lai và trả về cho người nộp phí.

Trường hợp đã có xác nhận thành công mà không có biên lai thì sử dụng giấy nộp tiền của Ngân hàng thay cho biên lai.

#### 7. Bước 7. Doanh nghiệp cảng kiểm tra tình trạng nộp phí

a) Doanh nghiệp cảng kiểm tra biên lai phí trên hệ thống thu phí để xác nhận điều kiện hàng hoá qua cảng, cụ thể:

Đối với các Doanh nghiệp cảng có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng đủ điều kiện kết nối và xử lý tự động thì thực hiện kết nối với hệ thống thu phí để kiểm tra trạng thái nộp phí tự động;

Đối với các Doanh nghiệp cảng có hệ thống công nghệ thông tin chưa đáp ứng điều kiện kết nối xử lý tự động thì thực hiện kiểm tra biên lai phí trên hệ thống do Cảng vụ cung cấp.

b) Thời điểm kiểm tra trạng thái nộp phí đối với hàng hoá nhập khẩu là thời điểm đăng ký thủ tục giao nhận hàng hoá; đối với hàng hoá xuất khẩu là thời điểm Doanh nghiệp cảng nhận được thông tin thông quan.

c) Tại thời điểm kiểm tra trạng thái thu phí Doanh nghiệp cảng xử lý:

Nếu hệ thống thông báo người nộp phí phải thực hiện thủ tục đối soát thủ công thì hướng dẫn người nộp phí liên hệ Cảng vụ để thực hiện thủ tục đối soát trước khi cho phép hàng hoá qua cảng;

Nếu hệ thống không có thông báo phải thực hiện thủ tục đối soát thủ công thì cho phép hàng hoá qua cảng. Riêng trường hợp hệ thống thông báo người nộp phí chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp phí thì Doanh nghiệp cảng nhắc nhở người nộp phí thực hiện việc nộp bằng thông báo qua email hoặc các hệ thống khác của cảng. Cảng vụ sẽ thực hiện kiểm tra, đối soát các trường hợp này trên cơ sở thông tin hàng hoá đã qua khu vực giám sát do Doanh nghiệp cảng cung cấp;

Trường hợp Doanh nghiệp cảng không nhận được trạng thái nộp phí do lỗi hệ thống thu phí thì thông báo đến Cảng vụ, đồng thời cho phép hàng qua cảng.

#### 8. Bước 8. Đối soát dữ liệu

a) Hệ thống của Tổng cục Hải quan thực hiện đồng bộ danh sách tờ khai phải thực hiện nộp phí vào hệ thống xử lý đối soát đặt tại Cục Hải quan để phục vụ đối soát dữ liệu nộp phí.

b) Các Doanh nghiệp cảng định kỳ trước 9 (chín) giờ ngày hôm sau gửi thông tin hàng hoá thực tế qua cảng của ngày hôm trước lên hệ thống đối soát của Cảng vụ. Nếu tại thời điểm gửi hệ thống thu phí lỗi hoặc vì lý do nào đó không tiếp nhận được thông tin thì gửi lại vào thời điểm gần nhất có thể.

c) Hệ thống thu phí định kỳ hàng ngày gửi thông tin danh sách những tờ khai đã nộp phí qua hệ thống đối soát để thực hiện quá trình đối soát tự động.

#### 9. Bước 9. Ngân hàng thực hiện lệnh chuyển tiền vào Kho bạc Nhà nước

Các ngân hàng cuối ngày (trước 24 giờ của ngày) thực hiện chuyển tiền phí đã thu được vào tài khoản Kho bạc Nhà nước của Cảng vụ mở tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

#### 10. Bước 10. Đối soát thông tin tiền đã nhận tại kho bạc Nhà nước

Kho bạc Nhà nước gửi báo có cho Cảng vụ làm căn cứ đối soát với dữ liệu trên hệ thống.

### **Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan**

#### 1. Người nộp phí

a) Thực hiện khai báo hải quan trên hệ thống thông quan điện tử của Hải quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác các nội dung trên tờ khai.

b) Thực hiện nghĩa vụ kê khai Tờ khai nộp phí và thanh toán các khoản phí theo thông báo nộp phí.

c) Tải hoặc in biên lai trên hệ thống thu phí tự động.

d) Xuất trình biên lai hoặc Giấy nộp tiền và hồ sơ hàng hóa khi qua cảng.

đ) Chịu trách nhiệm mọi vấn đề liên quan do chậm trễ thủ tục không thực hiện đúng quy trình nộp phí theo quy định.

#### 2. Chi cục Hải quan

Phối hợp, hỗ trợ Cảng vụ thực hiện các đối soát thủ công đối với các trường hợp phải đối soát thủ công.

### 3. Cảng vụ

a) Đảm bảo thông suốt hệ thống thu phí điện tử; đồng bộ với hệ thống thông quan điện tử của Hải quan.

b) Thực hiện kiểm tra, trả Thông báo thu phí, phát hành biên lai phí trên hệ thống cho người nộp phí.

c) Thực hiện đối soát số liệu với Chi cục Hải quan, Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và Doanh nghiệp cảng.

d) Thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ theo quy định và đột xuất khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

### 4. Kho bạc Nhà nước

Kho bạc Nhà nước nhận thông tin điện tử do ngân hàng truyền về và gửi báo có cho Cảng vụ theo quy định.

### 5. Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh

a) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra Cảng vụ thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý tiền phí và sử dụng biên lai theo đúng quy định của Nhà nước.

b) Phối hợp với các ngành liên quan thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thu phí.

### 6. Ngân hàng

a) Đảm bảo thông suốt hệ thống thanh toán điện tử 24/7.

b) Trong trường hợp do sự cố Ngân hàng không nhận được lệnh chuyển tiền hoặc kiểm tra tổng tiền không đúng thì Ngân hàng cũng thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản thu phí của Cảng vụ mở tại Kho bạc Nhà nước (trước 24 giờ của ngày).

c) Hỗ trợ các người nộp phí thực hiện nhanh chóng, kịp thời. Cung cấp đầy đủ các dịch vụ cho người nộp phí.

d) Thực hiện đối soát thông báo phí, chuyển tiền và thông báo kết quả chuyển tiền phí vào tài khoản thu phí của Cảng vụ mở tại Kho bạc Nhà nước.

đ) Cuối ngày gửi danh sách chi tiết các khoản thu kèm theo số biên lai cho Cảng vụ để kiểm tra đối chiếu, xác nhận hoàn thành đối với các biên lai đã phát hành.



Trường hợp sai lệch thì xuất báo cáo đề Cảng vụ và Ngân hàng phối hợp kiểm tra rà soát và điều chỉnh.

#### **7. Doanh nghiệp cảng**

a) Duy trì trạng thái kết nối với hệ thống để thực hiện kiểm tra tình trạng nộp phí đối với hàng hóa qua cảng.

b) Nhắc nhở người nộp phí chưa thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định.

c) Phối hợp với Chi cục Hải quan, Cảng vụ khi có yêu cầu không cung cấp dịch vụ, cụ thể là không cho phép hàng qua cảng đối với các trường hợp người nộp phí trong trạng thái cưỡng chế hoặc phải kiểm tra đối soát thủ công trước khi được cung cấp dịch vụ.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

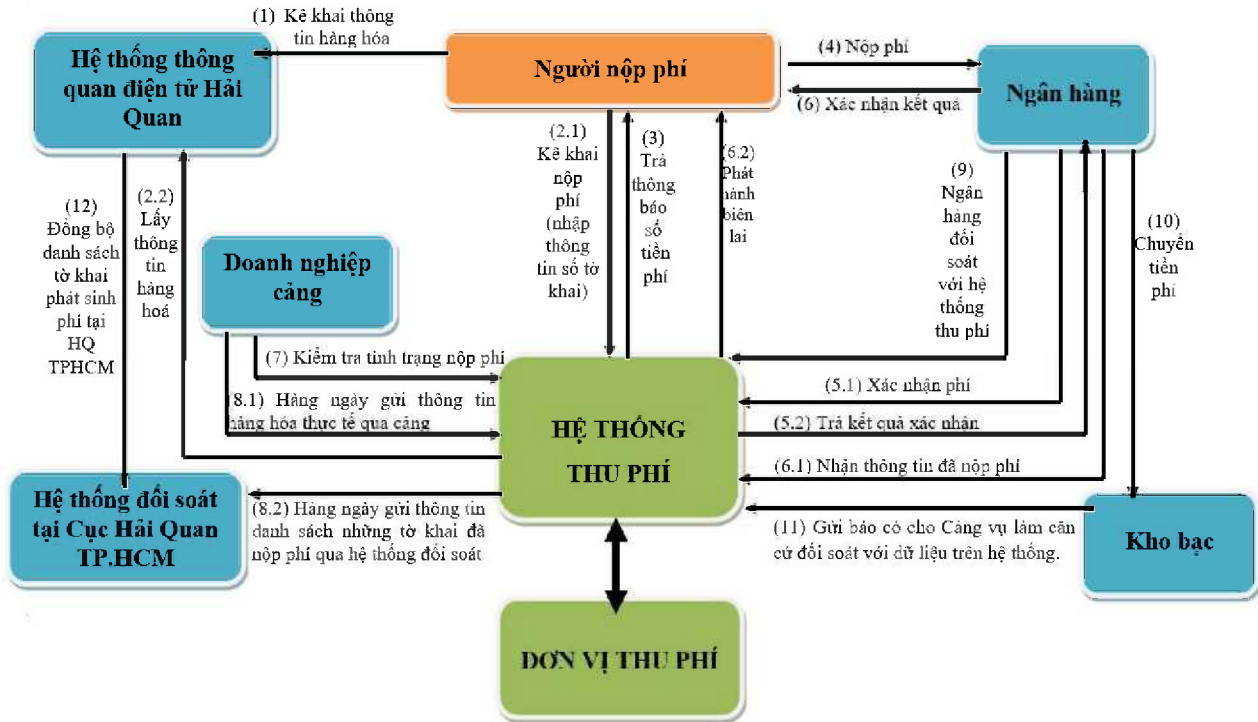
1. Các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện quản lý, thu phí có trách nhiệm triển khai thực hiện quy trình này.

2. Cục Hải quan, Sở Giao thông Vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị trực tiếp tham gia vào quy trình thu phí có trách nhiệm niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị về quy trình thu phí, tên phí, mức thu, phương thức thu và các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thu phí.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp quy định.

### SƠ ĐỒ QUY TRÌNH

**Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**



**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2021/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất  
để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Luật quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ*

quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Căn cứ Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Thông báo số 289/TB-VP ngày 24 tháng 5 năm 2019 về dự thảo Quy chế phối hợp trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 5323/STNMT-TTPTQĐ ngày 16 tháng 07 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 6529/STP-VB ngày 07 tháng 11 năm 2019 và số 955/STP-VB ngày 25 tháng 02 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy chế phối hợp trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2021.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành sau đây: Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2010 về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 77/2011/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2011 về giải thể Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất thành phố, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất các quận - huyện và quy định về xử lý chuyển tiếp đối với các khu đất đấu giá; Quyết định số 147/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2004 về ban hành Quy trình hình thành quỹ đất để đấu giá tạo nguồn thu ngân sách Thành phố.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện; Chủ tịch Hội đồng Thẩm định giá đất Thành phố Hồ chí Minh; Trưởng ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thê; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố; Giám đốc Quỹ đất Thành phố; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố; Giám đốc trung tâm quản lý nhà và Giám định xây dựng Thành phố; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố; Giám đốc công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích thành phố thủ Đức và các quận - huyện; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, đơn vị liên quan trong việc phối hợp triển khai thực hiện, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Đất đai, Luật Đấu giá tài sản, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến hoạt động tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

#### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp, thực hiện**

1. Mọi hoạt động phối hợp công tác phải tuân thủ nguyên tắc quản lý ngành, lĩnh vực, đảm bảo sự nhất quán, đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao.
2. Các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo

quy định, chủ động xử lý theo thẩm quyền, phối hợp công tác, trao đổi, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời nhằm giải quyết công việc hiệu quả, đúng thời gian quy định.

3. Tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tính độc lập, trung thực, công khai, công bằng khách quan, minh bạch.

#### **Điều 4. Phương thức phối hợp**

1. Để triển khai thực hiện, Cơ quan đề nghị phối hợp chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có), trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản, cơ quan được đề nghị phối hợp trả lời cho cơ quan đề nghị biết ý kiến tham gia bằng văn bản, hết thời hạn nêu trên, cơ quan được đề nghị phối hợp không phản hồi đồng nghĩa với việc thống nhất hoặc không có ý kiến khác.

2. Trường hợp, đơn vị được giao chủ trì tổ chức họp hoặc cần thiết phải tổ chức họp để lấy ý kiến các đơn vị, các đơn vị được mời tham dự họp phải cử người có trách nhiệm tham dự và phải có ý kiến tại cuộc họp. Trường hợp, người được cử đi họp đã có ý kiến tại cuộc họp nhưng sau thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp, cơ quan mà thành viên đó đại diện có ý kiến khác bằng văn bản thì ý kiến bằng văn bản được xem là ý kiến cuối cùng của cơ quan có đại diện.

Trường hợp đơn vị được mời dự họp mà người tham dự chưa thể có ý kiến tại cuộc họp hoặc đơn vị được mời dự họp không tham dự cuộc họp thì đơn vị không tham dự cuộc họp hoặc đơn vị có người tham dự họp chưa có ý kiến tại cuộc họp phải có ý kiến bằng văn bản trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp.

3. Trong quá trình phối hợp các cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp hoặc nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao.

4. Đối với những vấn đề quan trọng cần phải họp để trao đổi, thống nhất thì tổ chức họp với đại diện lãnh đạo các cơ quan có liên quan trước khi quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét quyết định, chỉ đạo.

5. Trường hợp xử lý hồ sơ không đúng thời hạn quy định làm ảnh hưởng đến tiến độ đấu giá thì Lãnh đạo các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ

Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thủ trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chuyên môn, nghiệp vụ được phân công.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG PHỐI HỢP**

#### **Điều 5. Nội dung phối hợp**

1. Tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Điều 24 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công, Thông tư 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp về Quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan phối hợp Đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá xem xét về điều kiện và đối tượng được tham gia đấu giá theo quy định trước khi Đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá.

3. Ngoài thời gian phối hợp thực hiện của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định cụ thể trong từng nội dung xử lý tại quy chế này, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ thời gian phối hợp quy định tại Điều 4 quy chế này để phối hợp xử lý các nội dung liên quan đến lĩnh vực hoặc nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao trong công tác đấu giá.

#### **Điều 6. Đấu giá quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất**

1. Trường hợp tài sản gắn liền với đất sau khi đánh giá lại vẫn còn giá trị sử dụng và phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm theo quy định đối với thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất để đấu giá theo quy định tại quy chế này.

2. Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do Nhà



nước trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định pháp luật.

3. Nếu tài sản gắn liền với đất sau khi đánh giá lại không còn giá trị sử dụng hoặc còn giá trị sử dụng nhưng không phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất có văn bản đề xuất với Sở Tài chính và cơ quan có chức năng xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định bán thanh lý tài sản trên đất theo đúng quy định. Sau khi hoàn tất việc bán thanh lý tài sản trên đất, Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất sẽ tiến hành thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất đúng quy định.

### **Điều 7. Xác định giá khởi điểm để đấu giá**

1. Thời điểm xác định giá khởi điểm theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 8 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

2. Căn cứ quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất gửi hồ sơ đề nghị xác định giá khởi điểm theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 24 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công để tổ chức xác định giá khởi điểm.

3. Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo Khoản 2 Điều này, theo chức năng nhiệm vụ, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ, phương án giá báo cáo, trình Hội đồng thẩm định giá đất thành phố Hồ Chí Minh thẩm định theo quy định.

4. Hội đồng thẩm định giá đất thành phố Hồ Chí Minh căn cứ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định giá nhà, đất do nhà nước quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định pháp luật liên quan và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành thẩm định giá theo đúng quy định pháp luật.

**Điều 8. Xác định nghĩa vụ tài chính bổ sung khi thay đổi chỉ tiêu quy hoạch, quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng sau khi trúng đấu giá và đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính**

1. Việc thực hiện xác định và nộp bổ sung tiền sử dụng đất khi thay đổi quy hoạch xây dựng chi tiết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và Khoản 6, Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 5 năm 2014.

2. Cơ quan thuế phải xác định lại tiền sử dụng đất phải nộp, thông báo cho người có nghĩa vụ thực hiện đối với trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này theo quy định

**Điều 9. Hướng dẫn nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá**

1. Sở Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng số tiền thu được đối với nhà, đất đấu giá theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017, Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017, Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Trình tự thực hiện thủ tục, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người trúng đấu giá được thực hiện theo quy trình quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai lập Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính của người trúng đấu giá cho Sở Tài chính hoặc Cơ quan thuế thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và người trúng đấu giá thực hiện kê khai tại Văn phòng Đăng ký đất đai.

4. Cơ quan thuế thông báo số tiền trúng đấu giá, các khoản nghĩa vụ tài chính khác phải nộp (trừ các trường hợp mà Sở Tài chính đã hướng dẫn thực hiện tại Khoản 1 Điều 9 của Quy chế này) cho người trúng đấu giá, Văn phòng Đăng ký đất đai, Kho bạc nhà nước theo quy định tại Điều 12 Thông tư 88/2016/TTLT/BTC - BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Văn phòng Đăng ký đất đai trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá theo quy định trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá được thực hiện theo Điều 14 Thông tư 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04

tháng 4 năm 2015 của Bộ tài nguyên và Môi trường và Bộ tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

### **CHƯƠNG III TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Thực hiện quản lý nhà nước về đấu giá trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hướng dẫn nghiệp vụ đấu giá cho các đơn vị thực hiện cuộc đấu giá.
3. Phối hợp sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành các văn bản quản lý nhà nước về đấu giá quyền sử dụng đất.
4. Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về tổ chức, hoạt động đấu giá tài sản theo thẩm quyền.
5. Báo cáo kết quả thực hiện công tác đấu giá tài sản (trong đó bao gồm công tác đấu giá quyền sử dụng đất) cho Bộ Tư pháp theo định kỳ.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Báo cáo Hội đồng thẩm định giá đất thành phố Hồ Chí Minh thẩm định phương án giá đất cụ thể và giá trị nhà, vật kiến trúc trên đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định.
2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu, nộp, tạm ứng, hoàn trả và thanh quyết toán các khoản kinh phí, tiền thu từ hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất, các khoản ứng từ Quỹ phát triển đất để có kinh phí thực hiện công tác thu hồi đất, quản lý quỹ đất và chi phí đấu giá quyền sử dụng đất, xác nhận đã nộp tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
3. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp nhà nước quản lý, sử dụng tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất.
4. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bố trí dự toán kinh phí để phục vụ cho công tác đấu giá.

5. Theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan kiểm tra điều kiện, năng lực tài chính của đối tượng tham gia đấu giá đối với trường hợp thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Kiểm tra, hướng dẫn Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá tổ chức thực hiện đấu giá theo quy định.

2. Kiểm tra, phê duyệt Bản đồ hiện trạng vị trí đất tỷ lệ 1/500 trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Bản đồ hiện trạng vị trí đất do đơn vị đo đạc bản đồ cung cấp.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp đặc biệt theo quy định.

4. Chủ trì xây dựng phương án giá đất trình Hội đồng thẩm định giá đất thành phố Hồ Chí Minh xem xét, thẩm định, trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Chủ trì và phối hợp Sở, ngành liên quan kiểm tra điều kiện, năng lực tài chính của đối tượng tham gia đấu giá đối với trường hợp thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho các đơn vị có liên quan thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính theo quy định hiện hành.

7. Kiểm tra việc sử dụng đất của người trúng đấu giá đảm bảo thực hiện đúng quy hoạch, mục đích sử dụng đất và quy định pháp luật hiện hành.

8. Chủ động phối hợp với Sở - ngành, đơn vị liên quan kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn.

9. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các quận, huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người trúng đấu giá theo quy định.

10. Thẩm định, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án đấu giá; kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; quyết định giao

đất, cho thuê đất theo thẩm quyền.

11. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo định kỳ kết quả thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Quỹ phát triển đất thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định cân đối bố trí vốn ngân sách hàng năm theo quy định Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ cho công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

2. Hướng dẫn người trúng đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan kiểm tra điều kiện, năng lực tài chính của đối tượng tham gia đấu giá theo các tiêu chí quy định Luật Đất đai trước khi tổ chức phiên đấu giá đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

1. Cung cấp thông tin chỉ tiêu quy hoạch theo quy định. Thời gian thực hiện cung cấp thông tin chậm nhất 15 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp, Sở Quy hoạch - Kiến trúc phải có văn bản xác định thời gian cung cấp thông tin quy hoạch

2. Hướng dẫn lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch theo quy định trước hoặc sau khi tổ chức đấu giá.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Xây dựng**

Phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý chuyên môn theo thẩm quyền.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục thuế thành phố Thủ Đức và Chi cục thuế cấp huyện**

1. Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chỉ đạo các Chi cục thuế, Chi cục thuế thành phố Thủ Đức, Chi cục thuế cấp huyện hướng dẫn, thông báo cho người trúng đấu giá kê khai, thực hiện nghĩa vụ tài chính, thực hiện nghĩa vụ về thuế và xác nhận đối tượng hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định đối với các khoản

thu do cơ quan thuế hướng dẫn và thông báo.

2. Thực hiện theo dõi, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với việc thu, nộp nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ về thuế theo quy định.

3. Phối hợp, cung cấp nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất cho cơ quan có thẩm quyền.

4. Thông tin và báo cáo theo quy định việc thu, nộp tiền trúng đấu giá của người trúng đấu giá để làm cơ sở giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

5. Phối hợp cung cấp thông tin chấp hành pháp luật về thuế cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan kiểm tra điều kiện, năng lực tài chính của đối tượng tham gia đấu giá đối với trường hợp thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất**

1. Tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và công trình trên đất (nếu có) theo quy định.

2. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán chi phí đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 7 Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

3. Liên hệ Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký kế hoạch sử dụng đất đối với quỹ đất dự kiến đấu giá trong năm kế hoạch.

4. Thực hiện thuê đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và công trình trên đất (nếu có) làm cơ sở xác định phương án giá phục vụ công tác đấu giá.

5. Chuẩn bị hồ sơ đấu giá, lập phương án đấu giá báo cáo cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt phương án đấu giá, quyết định đấu giá, quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

6. Tiến hành chọn tổ chức đấu giá tài sản của nhà nước thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố và ký kết Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức được lựa chọn theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và pháp luật về đấu thầu.

7. Phối hợp với đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất tổ chức cho đối

tượng đăng ký tham gia đấu giá xem tài sản đấu giá tại thực địa.

8. Đề xuất, báo cáo cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, quyết định hủy quyết định công nhận kết quả đấu giá trong trường hợp người trúng đấu giá không nộp đủ tiền trúng đấu giá theo phương án đấu giá đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, quy chế cuộc đấu giá, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và quy định pháp luật có liên quan.

9. Tổ chức thực hiện, giám sát việc đấu giá theo quy định.

10. Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá bàn giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) cho người trúng đấu giá trên thực địa.

11. Phối hợp với Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn người trúng đấu giá hoàn tất thủ tục trúng đấu giá theo quy định.

12. Phối hợp, tham mưu cơ quan tài nguyên và môi trường ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá.

### **Điều 18. Trách nhiệm Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất**

1. Ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá với đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá ngay sau khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Ban hành Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá trước ngày niêm yết việc đấu giá tài sản và thực hiện thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá tài sản theo quy định. Quy định việc hủy kết quả trúng đấu giá tài sản trong trường hợp người trúng đấu giá không nộp đủ tiền trúng đấu giá theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi xây dựng quy chế đấu giá tài sản. Phối hợp Đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá, cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định hủy quyết định công nhận kết quả đấu giá.

3. Thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả cuộc đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan về đấu giá.

4. Chủ động phối hợp với Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất để kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh trong hoạt động đấu giá.

5. Phát hành hồ sơ đăng ký đấu giá, niêm yết thông báo công khai việc đấu giá theo đúng quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

6. Thông báo kết quả đấu giá cho Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất.

7. Hoàn chỉnh hồ sơ cuộc đấu giá, lập biên bản kèm danh mục chi tiết các tài liệu có liên quan đến cuộc đấu giá bàn giao cho Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất báo cáo cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt kết quả trúng đấu giá theo quy định.

8. Đôn đốc người trúng đấu giá quyền sử dụng đất nộp tiền trúng đấu giá theo thời hạn quy định.

9. Cử người tham gia phối hợp bàn giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (nếu có) cho người trúng đấu giá trên thực địa.

### **Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm trong đó thể hiện đầy đủ danh mục công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất do đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất đăng ký trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo quy định.

2. Cung cấp thông tin, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo quy định. Thời gian thực hiện cung cấp thông tin theo quy định Điều 4 quy chế này.

3. Phối hợp Đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá và các đơn vị liên quan bàn giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (nếu có) trên thực địa cho người trúng đấu giá.

4. Ký hợp đồng cho thuê đất, quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Phối hợp với Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án của người trúng đấu giá đảm bảo đúng quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

6. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất quản lý, bảo vệ quỹ đất đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất,



tránh trường hợp lấn chiếm, xây dựng trái phép trên đất; bàn giao quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá.

### **Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Phối hợp tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng theo quy định.

2. Phối hợp với Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện niêm yết việc đấu giá quyền sử dụng đất và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất đấu giá.

3. Quản lý và chỉ được dùng tiền thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo hình thức đấu giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai 2013.

4. Báo cáo cơ quan tài nguyên và môi trường các trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản thông qua hình thức đấu giá đối với phần diện tích quỹ đất nông nghiệp chưa sử dụng mục đích công ích quy định tại Khoản 2 Điều 132 Luật Đất đai.

5. Phối hợp với Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất quản lý, bảo vệ quỹ đất đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất, tránh trường hợp lấn chiếm, xây dựng trái phép trên đất.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo thực hiện hiệu quả Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh, chưa phù hợp với điều kiện thực tế của Thành phố, các Sở - ngành, cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định.

3. Những căn cứ pháp lý đã được dẫn chiếu trong quy chế khi có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế sẽ được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; những nội dung không nêu trong Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2021/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016*

*của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.*

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1845/TTr-SNN-CCTL ngày 08 tháng 9 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1605/STP-VB ngày 28 tháng 4 năm 2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021.

Quyết định này thay thế Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết

định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi**

Áp dụng đối với các công trình thủy lợi được đầu tư hoàn toàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; một phần nguồn vốn ngân sách nhà nước. Đối với các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác, chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ trên cơ sở vận dụng hướng dẫn của Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

##### **2. Đối tượng**

Áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2. Yêu cầu quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Tuân thủ theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Tài nguyên nước và các quy định pháp luật liên quan.

2. Đảm bảo tính hệ thống của công trình, không chia cắt theo địa giới hành chính; các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra và an toàn công trình.

3. Tuân theo quy hoạch, kế hoạch, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật và dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ tài nguyên nước**

1. Chấp hành đầy đủ các quy định về Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Tài nguyên nước và các quy định pháp luật liên quan.
2. Sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, hiệu quả; thực hiện các biện pháp phòng, chống cạn kiệt, suy thoái chất lượng nguồn nước.
3. Không gây cản trở hay gây thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.
4. Tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi có trách nhiệm tham gia bảo vệ công trình. Khi phát hiện công trình thủy lợi bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, người phát hiện có trách nhiệm kịp thời báo ngay cho chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân quản lý công trình nơi gần nhất để xử lý theo quy định; ngăn chặn, khắc phục nếu có thể thực hiện được.

**Chương II****QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI****Mục I****PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI****Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Hệ thống công trình thủy lợi vừa, Hệ thống công trình thủy lợi lớn hoặc công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 địa phương trở lên giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.
2. Các công trình thủy lợi còn lại phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận - huyện quản lý.

**Điều 5. Khai thác công trình thủy lợi**

1. Việc tổ chức khai thác công trình thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Thủy lợi, Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ và quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Công trình thủy lợi được khai thác, sử dụng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định tại Điều 30 Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

## **Mục II**

### **QUY ĐỊNH VỀ LẬP, BAN HÀNH VÀ THỰC HIỆN QUY TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

#### **Điều 6. Quy trình vận hành công trình thủy lợi**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 24 Luật Thủy lợi và quy định hiện hành khác có liên quan.

#### **Điều 7. Nội dung quy trình vận hành công trình thủy lợi**

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định hiện hành khác có liên quan.

#### **Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành công trình thủy lợi**

1. Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy trình và phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành công trình thủy lợi.

2. Đối với các công trình thủy lợi phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận - huyện quản lý: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện phê duyệt quy trình và phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.

## **Chương III**

### **DỊCH VỤ THỦY LỢI**

#### **Điều 9. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi và tổ chức, cá nhân có liên quan xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo



quy định tại Điều 17 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định hiện hành khác có liên quan.

### **Điều 10. Thẩm quyền quyết định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua trên cơ sở khung giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

## **Chương IV**

### **BẢO VỆ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

#### **Điều 11. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

3. Vùng phụ cận của kênh được quy định như sau:

a) Kênh có lưu lượng lớn hơn  $10 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài trở ra 05 m đối với kênh đất, 03 m đối với kênh kiên cố.

b) Kênh có lưu lượng từ  $02 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $10 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài trở ra 03 m đối với kênh đất, 02 m đối với kênh kiên cố.

c) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $02 \text{ m}^3/\text{s}$ , kênh nội đồng phải có đường đi lại để quản lý vận hành và duy tu, sửa chữa, phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra mỗi bên tối thiểu 02m.

d) Kênh không có bờ, phạm vi bảo vệ được tính từ mép bờ cao trở ra mỗi bên tối thiểu 05 m.

4. Đối với đê bao, kè bảo vệ đê, cống qua đê, cống tưới tiêu, cống ngăn mặn, giữ

ngọt, cống ngăn lũ:

a) Đê bao sông, đê cửa sông, đê bao kênh rạch, đê cấp IV và V: phạm vi bảo vệ không được nhỏ hơn 05 mét tính từ chân đê trở ra về phía sông và phía đồng.

b) Đê bao cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III: quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Đê điều.

5. Phạm vi vùng phụ cận trạm bơm được xác định từ diện tích đất được nhà nước giao khi xây dựng, đưa công trình vào sử dụng (hoặc đất do địa phương bàn giao cho đơn vị khai thác hoặc đất trong hàng rào, cột mốc bảo vệ).

6. Vùng phụ cận của cống trên sông được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía 50 m.

7. Công trình thủy lợi khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại Điều này.

8. Trường hợp cần mở rộng hành lang bảo vệ đối với vùng đã xảy ra đùn, sủi hoặc có nguy cơ đùn, sủi gây nguy hiểm đến an toàn đê do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

9. Khi quy hoạch công trình thủy lợi (kênh) có bờ kết hợp làm đường giao thông (do ngành Giao thông hoặc địa phương quản lý) phải đảm bảo khoảng cách từ lề đường đến mép bờ kênh thiết kế tối thiểu 1,5m; đồng thời, phải có ý kiến thống nhất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hồ sơ kỹ thuật để đảm bảo việc phát triển mạng lưới giao thông không làm ảnh hưởng tới năng lực, an toàn công trình thủy lợi.

## **Điều 12. Phương án bảo vệ công trình thủy lợi, thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Việc lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi và nội dung phương án thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật Thủy lợi và quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố được quy định như sau:

a) Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Đối với các công trình thủy lợi phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ

Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện quản lý: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.

### **Điều 13. Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án, phê duyệt điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới công trình thủy lợi thuộc phạm vi Thành phố quản lý.

### **Điều 14. Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho hoạt động quy định tại Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ**

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố cho đến khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật liên quan khác có hiệu lực thi hành.

2. Thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các quận, huyện tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý sau khi có ý kiến chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **Chương V**

### **THỦY LỢI NHỎ, THỦY LỢI NỘI ĐỒNG**

**Điều 15. Tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng**

Theo quy định tại Chương V Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định hiện hành khác có liên quan.

## **Chương VI**

### **QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THỦY LỢI**

**Điều 16. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi**

Theo quy định tại Điều 53, 54, 55 Luật Thủy lợi và quy định hiện hành khác có liên quan.

## **Chương VII**

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY LỢI**

**Điều 17. Trách nhiệm của các Sở ngành**

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Hằng năm rà soát, tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình mới hoàn thành thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố cho cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

c) Định kỳ hằng năm, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, đơn vị có liên quan tổng hợp các số liệu cơ bản của các công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố để phục vụ công tác quản lý và duy tu, bảo trì, bảo dưỡng.

d) Tổ chức xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành thủy lợi phục vụ công tác quản lý.

đ) Tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung theo quy định của Quyết định này; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức về công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

e) Ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái nước; bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước.

g) Xây dựng, tổ chức tuyên truyền, phổ biến các tài liệu kỹ thuật hỗ trợ các địa phương tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định của Quyết định này.

h) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình thực hiện Quyết định này.

i) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

## 2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn, kinh phí để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo an toàn phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) Cân đối, bố trí kinh phí cho các đơn vị, địa phương để tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phục vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đảm bảo tưới tiêu, ngăn triều cường, phòng chống thiên tai, cấp nước phục vụ các ngành sản xuất, dân sinh.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí hỗ trợ, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

### 3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương và Thành phố để đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố.

### 4. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi có kết hợp giao thông.

### 5. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị, tổ chức khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng, quản lý sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.

b) Chủ trì tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu hồi, đền bù, giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

## **Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp phường - xã - thị trấn**

1. Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm

a) Tổ chức triển khai văn bản quy phạm pháp luật về thủy lợi; tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển thủy lợi theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chỉ đạo hoạt động của tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

c) Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi đối với các công trình được phân cấp quản lý.

d) Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi.

đ) Chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép đối với hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động thủy lợi trên địa bàn.

e) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thủy lợi.

g) Tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi được phân cấp quản lý theo quy định tại Điều 23 Luật Thủy lợi, Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và quy định hiện hành khác có liên quan.

h) Định kỳ hằng năm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng và thống kê đầy đủ các số liệu cơ bản của các công trình thủy lợi đã được giao quản lý để phục vụ công tác quản lý và duy tu, bảo dưỡng.

i) Rà soát, thống kê, cập nhật danh sách cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được phân cấp quản lý, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp phường - xã - thị trấn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm

a) Tổ chức thực hiện phát triển thủy lợi theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở trong trường hợp chưa thành lập được tổ chức thủy lợi cơ sở;

c) Huy động nguồn lực tại địa phương để tổ chức xử lý khi công trình thủy lợi xảy ra sự cố theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận - huyện giám sát hoạt động của tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn;

đ) Phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi;

e) Kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép đối với hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

g) Báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động thủy lợi trên địa bàn;

h) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về

thủy lợi.

## **Chương VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh đột xuất hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, các cấp có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

#### **Điều 20. Quy định chuyển tiếp**

Các loại giấy phép trong lĩnh vực thủy lợi đã được cấp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa hết thời hạn của giấy phép thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn./.



## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3262/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 9 năm 2021*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đầu tư công  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 6910/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 8 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 13 thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực quản lý đầu tư công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 5543/QĐ-SKHĐT ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực quản lý đầu tư công</b>			
1		Thủ tục thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;</li> <li>- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;</li> <li>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>
2		Thủ tục thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư chương trình sử dụng vốn ngân sách Thành phố	
3		Thủ tục thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, trừ dự án do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	
4		Thủ tục thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do Thành phố quản lý	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
5		Thủ tục thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân thành phố, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Thành phố	
6		Thủ tục thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng nguồn vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý	
7		Thủ tục thẩm định và quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng nhóm A sử dụng vốn ngân sách thành phố	
8		Thủ tục thẩm định và quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách thành phố	
9		Thủ tục thẩm định và quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng nhóm A sử dụng vốn ngân sách thành phố	
10		Thủ tục thẩm định và quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách thành phố	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP HUYỆN**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực quản lý đầu tư công</b>			
1		Thủ tục thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách quận - huyện	- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
2		Thủ tục thẩm định và quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận – huyện quyết định đầu tư	- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.
3		Thủ tục thẩm định và quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận – huyện quyết định đầu tư	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021*

## **CHỈ THỊ**

### **Về tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Trong những năm qua, các cấp, các ngành cùng với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đã nỗ lực triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 13/2012/CT-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa - xã hội, lành mạnh hóa đời sống của người dân Thành phố, xây dựng Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa như mong muốn, tình trạng hoạt động kinh doanh biến tướng, trá hình, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, gây ồn ào, tiềm ẩn tệ nạn xã hội về ma túy, cờ bạc, mại dâm, kích dục, khiêu dâm ngày càng diễn biến hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng đã ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, gây bức xúc trong nhân dân. Nguyên nhân chủ yếu là do một bộ phận doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh cố tình vi phạm pháp luật vì lợi nhuận; chỉ đạo, điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa đúng mức, chưa đồng bộ và chặt chẽ; vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chưa phát huy trong việc giám sát, tuyên truyền, giáo dục, vận động; quy định của pháp luật còn thiếu, chồng chéo, khó áp dụng trong thực tiễn; sự phân công, phối hợp chưa tốt trong công tác kiểm tra, xử lý, thực thi các quyết định xử lý đã có hiệu lực pháp luật và trách nhiệm quản lý địa bàn của chính quyền địa phương còn nhiều yếu kém, một số nơi còn buông lỏng.

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dễ phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật, từng bước đẩy lùi tệ nạn xã hội trên địa bàn, Ủy ban nhân dân Thành

phổ yêu cầu:

1. Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, thống kê, báo cáo để quản lý thống nhất đối với cơ sở kinh doanh có dấu hiệu vi phạm (việc kiểm tra, xử lý, thực hiện các quyết định xử phạt).

b. Định kỳ hàng năm rà soát, kiện toàn Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố (Đoàn 1); thành lập Bộ phận giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố (Đoàn 1); phối hợp với Công an Thành phố và các Sở, ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội cấp Thành phố đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa dễ phát sinh tệ nạn xã hội.

c. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp đối với hoạt động của Lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội (Đoàn 1, Đội 1); hỗ trợ chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, xử lý cho Lực lượng kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội cấp quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

2. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a. Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống mại dâm trong xã hội, tập trung vào đối tượng có nguy cơ cao như: Học sinh, sinh viên, người lao động chưa có việc làm, người lao động nhập cư, nhóm lao động di cư và nhân viên tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng để nâng cao nhận thức về tác hại của tệ nạn mại dâm, giảm sự kỳ thị, phân biệt đối xử của cộng đồng và việc lây nhiễm HIV/AIDS.

b. Rà soát, thống kê các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn Thành phố; xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết lập hệ thống thông tin quản lý về tình hình tệ nạn mại dâm trên địa bàn quản lý.

c. Định kỳ hàng năm rà soát, kiện toàn Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố (Đoàn 2); thành lập Bộ phận giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố (Đoàn 2); phối hợp với Công an Thành phố và các Sở, ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội cấp Thành phố đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa để phát sinh tệ nạn xã hội về mại dâm.

d. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp đối với hoạt động của Lực lượng kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội (Đoàn 2, Đội 2); hỗ trợ chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, xử lý cho Lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội cấp quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

### 3. Công an Thành phố

a. Công an Thành phố tăng cường công tác nắm tình hình, sử dụng biện pháp nghiệp vụ nhằm kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong các cơ sở kinh doanh để phát sinh tệ nạn xã hội về may túy, cờ bạc, mại dâm, kích dục, nhảy múa thoát y, khiêu dâm...trên địa bàn; chỉ đạo tăng cường công tác quản lý về điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ, hoạt động biến tướng tập trung đông người như quán bar, vũ trường, beer club, cà phê DJ, karaoke, xoa bóp (massage)...nhất là các cơ sở kinh doanh tại các tầng cao, sân thượng của các tòa nhà cao tầng có nguy cơ cháy, nổ cao. Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở kinh doanh không đảm bảo về điều kiện kinh doanh, vi phạm an toàn về phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật.

b. Chỉ đạo các đơn vị phối hợp, hỗ trợ hoạt động của lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội các cấp trong công tác kiểm tra, xử lý đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ hoạt động phức tạp về an ninh trật tự và tệ nạn xã hội trên địa bàn.

### 4. Sở Công thương

Sở Công thương phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ quy định pháp luật hiện hành, xây dựng hoặc tham mưu đề xuất Bộ, ngành trung ương hướng dẫn các quy chuẩn về hoạt động quán bar club, beer club, vũ trường, cà phê DJ trên địa bàn Thành phố.

### 5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện nghiêm Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 06



tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

b. Phối hợp, hỗ trợ công tác kiểm tra, xử lý của lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các cơ sở kinh doanh vi phạm trên địa bàn theo quy định pháp luật; tham mưu đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quy định chấn chỉnh tình trạng một địa chỉ có nhiều giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp đang có hiệu lực hoạt động, kinh doanh vi phạm pháp luật nhiều lần nhưng xin giấy chứng nhận kinh doanh mới để tiếp tục kinh doanh tại địa chỉ cũ, với ngành nghề cũ để trốn tránh thi hành các quyết định xử phạt.

6. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp quản lý, kiểm tra, xử lý đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện hành nghề massage, xông hơi, xoa bóp, y học cổ truyền, day ấn huyệt nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và kéo giảm tình trạng biến tướng, trá hình mại dâm, kích dục tại các loại hình kinh doanh này.

b. Kiến nghị, đề xuất, báo cáo với Bộ Y tế xem xét ban hành quy định pháp luật quản lý việc sử dụng, kinh doanh thuốc Shisha, bóng cười.

c. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp quản lý, kiểm tra, xử lý đối với hoạt động phòng, chống dịch, phòng chống tác hại của thuốc lá và phòng chống tác hại của rượu bia.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn Thành phố thông tin, tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ sở kinh doanh để phát sinh tệ nạn xã hội, nêu gương những việc tiêu biểu, làm tốt; phản bác các quan điểm sai trái làm băng hoại đạo đức truyền thống dân tộc. Đồng thời tiếp tục thông báo đường dây nóng của Thành phố và địa chỉ thư điện tử để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về các cơ sở kinh doanh dễ phát sinh tệ nạn xã hội về ma túy, cờ bạc, mại dâm, kích dục, khiêu dâm, nhảy múa thoát y, gây ồn ào trên địa bàn Thành phố nhằm phát huy hiệu quả trong việc tiếp nhận, kiểm tra, xử lý, đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội.

## 8. Sở Tài chính

Hàng năm, cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ kế hoạch và yêu cầu nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị địa phương lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các chế độ, chính sách cho lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội theo quy định gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp quản lý, giám sát, kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh casino trên địa bàn Thành phố.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a. Tăng cường tuyên truyền các quy định pháp luật về tiếng ồn cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn xã hội; tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, xử lý về tiếng ồn cho các lực lượng thực thi kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội Thành phố.

b. Xử lý các hành vi vi phạm tiếng ồn theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ và các Nghị định khác có liên quan.

c. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành các tiêu chuẩn, định mức, văn bản pháp luật để quản lý chặt chẽ, hiệu quả hơn tình trạng gây ồn làm bức xúc trong nhân dân.

10. Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện rà soát, lập danh sách các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch không đảm bảo điều kiện kinh doanh, hoạt động có dấu hiệu tệ nạn xã hội ma túy, mại dâm. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm nhằm kéo giảm tệ nạn xã hội.

11. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hàng năm kiện toàn Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố (Đoàn 1, Đoàn 2); hướng dẫn thống nhất Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện kiện toàn Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội (Đội 1, Đội 2) và Tổ Kiểm tra Liên ngành phường, xã, thị trấn.

12. Cục thuế Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các Chi cục thuế Thành phố Thủ

Đức, quận, huyện cung cấp thông tin tài khoản ngân hàng của các tổ chức, cá nhân vi phạm để thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi có văn bản đề nghị của các cơ quan thường trực về hoạt động Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội theo Quy chế phối hợp tổ chức thực hiện cưỡng chế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**13.** Cục quản lý thị trường Thành phố có trách nhiệm phối hợp lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội Thành phố trong việc kiểm tra, tạm giữ tang vật, phương tiện, xử lý vi phạm và hàng hóa không hóa đơn, chứng từ, nhập lậu, khi lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội kiểm tra, phát hiện, đề nghị phối hợp.

**14.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn xã hội và nhân dân trên địa bàn nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của chủ cơ sở, người quản lý, người lao động trong công tác phòng chống tệ nạn mại dâm, ma túy; thực hiện cam kết không vi phạm tệ nạn xã hội, vận động người cho thuê nhà không tiếp tục cho thuê nhà đối với các cơ sở kinh doanh vi phạm liên quan đến tệ nạn xã hội, gây ô nhiễm tiếng ồn, mất an ninh trật tự. Đẩy mạnh vận động nhân dân tham gia phát hiện, tố giác vi phạm pháp luật. Tập trung chỉ đạo triển khai chuyên hóa địa bàn trong điểm phức tạp về ma túy, cờ bạc, mại dâm. 06 tháng hoặc 1 năm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, bộ phận có liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, xử lý cho lực lượng kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội cấp thành phố, quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

b. Chủ động rà soát, lập danh sách quản lý đối với tất cả các cơ sở kinh doanh để phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn quản lý; phối hợp với Sở, ngành liên quan thực hiện áp dụng công nghệ thông tin để quản lý thống nhất, đồng bộ trong công tác kiểm tra, xử lý, thi hành các quyết định xử phạt các cơ sở kinh doanh có dấu hiệu vi phạm; có ý kiến trong cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các cơ sở kinh doanh đã bị xử lý, nhưng xin giấy phép khác tại địa chỉ và với ngành nghề đã bị xử lý vi phạm; thực hiện nghiêm Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau khi đăng ký thành lập.

c. Định kỳ hàng năm, kiện toàn lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội; chỉ đạo lực lượng Công an, lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm của các cơ sở kinh doanh dễ phát sinh tệ nạn xã hội, kinh doanh gây ồn ào, hoạt động sau 24 giờ gây mất an ninh trật tự trên địa bàn quản lý. Đồng thời giao Chủ tịch, Trưởng Công an phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm pháp luật về ma túy, cờ bạc, mại dâm, kích dục, khiêu dâm, nhảy múa thoát ý, kinh doanh quá giờ, gây ồn ào tại các cơ sở kinh doanh trên địa bàn quản lý.

d. Thành lập Bộ phận chỉ đạo, giám sát, đồng thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội; sự phối hợp giữa liên ngành với Công an và các lực lượng chức năng.

e. Khen thưởng theo thẩm quyền, xem xét trách nhiệm các cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức tham gia lực lượng kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội có thành tích hoặc vi phạm.

**15.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Thành phố và các Đoàn thể tuyên truyền, vận động thành viên thực hiện tốt các quy định về phòng, chống tệ nạn xã hội; không cho thuê mặt bằng cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn, tích cực thực hiện “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”, xây dựng “phường lành mạnh, không có tệ nạn ma túy, mại dâm”, xây dựng “gia đình hạnh phúc”, cam kết không gây ồn, mất trật tự trên địa bàn dân cư nhằm xây dựng Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

**16.** Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện có trách nhiệm

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nghiêm Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Tiến hành rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, phòng, chống tệ nạn xã hội, xác định, tổng hợp các nội dung quy định có sự mâu thuẫn, chồng chéo hoặc chưa phù hợp với thực tiễn; đề xuất, kiến

ng nghị các nội dung cần điều chỉnh, hoặc bổ sung, sửa đổi các quy định quản lý nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước; bổ sung, điều chỉnh Quy chế phối hợp kiểm tra liên ngành văn hóa, thông tin, phòng, chống tệ nạn xã hội.

Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Chỉ thị số 13/2012/CT-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3488/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lữ hành  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 1163/TTr-SDL ngày 27 tháng 9 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lữ hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Bãi bỏ Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lữ hành thuộc phạm vi chức năng giải quyết của Sở Du lịch.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LỮ HÀNH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ DU LỊCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Du lịch**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực lữ hành</b>					
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (địa chỉ số 140, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	1.500.000 đồng/giấy phép (áp dụng từ ngày 01/07/2021 đến 31/12/2021). 3.000.000 đồng/giấy phép (áp dụng kể từ ngày 01/01/2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> <li>- Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (địa chỉ số 140, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	750.000 đồng/giấy phép (áp dụng từ ngày 01/07/2021 đến 31/12/2021) 1.500.000 đồng/giấy phép (áp dụng kể từ ngày 01/01/2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> <li>- Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (địa chỉ số 140, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	1.000.000 đồng/giấy phép (áp dụng từ ngày 01/07/2021 đến 31/12/2021) 2.000.000 đồng/giấy phép (áp dụng kể từ ngày 01/01/2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> <li>- Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>
4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra	Sở Du lịch (địa chỉ số 140, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	100.000 đồng/thẻ 01/07/2021 đến 31/12/2021) 200.000 đồng/thẻ (áp dụng kể từ ngày 01/01/2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> <li>- Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (địa chỉ số 140, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	325.000 đồng/thẻ (áp dụng từ ngày 01/07/2021 đến 31/12/2021) 650.000 đồng/thẻ (áp dụng kể từ ngày 01/01/2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> <li>- Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (địa chỉ số 140, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	325.000 đồng/thẻ (áp dụng từ ngày 01/07/2021 đến 31/12/2021) 650.000 đồng/thẻ (áp dụng kể từ ngày 01/01/2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>của Luật Du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> <li>- Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>
7	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Sở Du lịch (địa chỉ số 140, đường Nguyễn Đình Chiểu,	325.000 đồng/thẻ (áp dụng từ ngày 01/07/2021 đến 31/12/2021)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	hợp lệ	Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	650.000 đồng/thẻ (áp dụng kể từ ngày 01/01/2022)	<p>Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>
8	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Du lịch (địa chỉ số 140, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	325.000 đồng/thẻ (áp dụng từ ngày 01/07/2021 đến 31/12/2021) 650.000 đồng/thẻ (áp dụng kể từ ngày 01/01/2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.</li> <li>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> <li>- Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng